

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 9
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10 - 13
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	14
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 - 16
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	17 - 47

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist ("Công ty"), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân ("Công ty con") và Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch
- Ông Kakazu Shogo	Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
- Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên
- Ông Shimabukuro Yoshinori	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thúy Phương	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ/STT-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (bao gồm Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và toàn bộ tiền ký quỹ tại Ngân hàng cho dịch vụ này) với giá chuyển nhượng tối thiểu bằng số tiền ký quỹ tương đương 1.000.000.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đã ký kết hợp đồng 0119/2019/HĐKT-STT với Bà Lê Thị Hòa về việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn với giá chuyển nhượng 3.300.000.000 đồng (giá chuyển nhượng trên không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác). Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn cho Bà Lê Thị Hòa vào ngày 07 tháng 03 năm 2019. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310535083 ngày 23 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 08) ngày 07 tháng 03 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH Azumaya Human Resourceful do Bà Lê Thị Hòa làm chủ sở hữu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2019



Kakazu Shogo
Tổng Giám đốc



Số: 079/2019/BCKT-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist ("Công ty"), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân ("Công ty con") và Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, từ trang 10 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh • Tel: +84 28 39 333 444 • Fax: +84 28 3930 8769 • Email: pkf.hcm@pkf.com.vn • Website: www.pkf.com.vn
28 Nguyễn Thị Diệu • Phường 6 • Quận 3 • Thành Phố Hồ Chí Minh • Việt Nam

PKF Việt Nam là công ty thành viên của Tập đoàn PKF Quốc tế, mạng lưới của các công ty độc lập và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào cho các hành động hoặc việc không hành động của bất kỳ công ty hoặc công ty thành viên khác.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày trong trong mục số 4.17 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty trình bày khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo quy định của luật thuế hiện hành và theo tờ khai quyết toán thuế. Tuy nhiên, Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được các biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với số tiền 9.596.271.434 đồng, trả trước người bán ngắn hạn với số tiền 765.000.000 đồng, phải thu ngắn hạn khác với số tiền 20.865.130.593 đồng và phải thu về cho vay dài hạn với số tiền 5.796.000.000 đồng, cụ thể như sau:

	31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
Trả trước người bán ngắn hạn	765.000.000	765.000.000
- Công ty TNHH Link Media	765.000.000	765.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	20.865.130.593	20.687.581.739
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	18.870.833.663
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418
- Công ty Cổ phần Du lịch Văn hóa Royal	591.829.512	414.280.658
Phải thu về cho vay dài hạn	5.796.000.000	5.796.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000

Chúng tôi không có điều kiện thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đúng đắn của các khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về số dư các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh 8.7 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ lũy kế là 81.393.896.969 đồng, đồng thời lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ là 1.393.896.969 đồng, cũng tại ngày này, công nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty 22.106.817.245 đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi tới hạn. Các cổ đông của Nhóm Công ty đã xác nhận tiếp tục hỗ trợ tài chính để Nhóm Công ty có thể có đủ vốn hoạt động và có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Vn" or similar, written over a horizontal line.

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.897.990.709	13.539.210.441
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.384.209.991	1.757.566.602
Tiền	111		2.384.209.991	1.757.566.602
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000	150.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.133.993.455	10.639.476.254
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.194.026.000	13.714.302.125
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.447.802.126	1.394.111.126
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	26.516.849.709	27.400.888.278
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6a	(34.024.684.380)	(31.869.825.275)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	102.888.115	94.732.782
Hàng tồn kho	141		231.828.855	223.673.522
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(128.940.740)	(128.940.740)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.126.899.148	897.434.803
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	692.961.437	520.913.344
Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.327.147	136.910.896
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	239.610.563	239.610.563
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.028.018.012	29.927.683.823
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.496.221.800	2.128.588.982
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.9	5.796.000.000	5.796.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	1.496.221.800	2.128.588.982
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.6b	(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản cố định	220		17.639.843.500	18.632.375.700
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	17.508.732.408	18.444.597.932
- Nguyên giá	222		28.647.212.905	26.969.046.953
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.138.480.497)	(8.524.449.021)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	131.111.092	187.777.768
- Nguyên giá	228		250.000.000	250.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(118.888.908)	(62.222.232)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.544.500.040	8.544.500.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	8.544.500.040	8.544.500.040
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.016.000	80.016.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2b	80.016.000	80.016.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		267.436.672	542.203.101
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	267.436.672	542.203.101
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		39.926.008.721	43.466.894.264

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		41.319.905.690	40.820.749.371
Nợ ngắn hạn	310		34.004.807.954	30.836.502.908
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.500.076.467	710.654.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.184.598.985	112.372.913
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.880.274.782	7.468.088.033
Phải trả người lao động	314		1.765.673.988	1.550.525.572
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16a	231.848.365	883.051.942
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.272.064.072	97.140.921
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17a	16.575.529.469	17.523.369.451
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18a	2.594.741.826	2.491.300.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		7.315.097.737	9.984.246.463
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16b	413.951.571	641.531.145
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17b	1.091.649.286	1.021.449.286
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18b	5.809.496.880	8.321.266.032
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

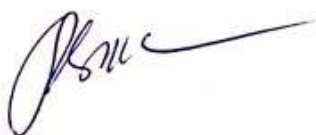
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.393.896.969)	2.646.144.893
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(1.393.896.969)	2.646.144.893
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(81.393.896.969)	(77.353.855.107)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.353.855.107)	(57.485.175.259)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.040.041.862)	(19.868.679.848)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.926.008.721	43.466.894.264

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	30.946.346.106	30.078.400.792
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	30.946.346.106	30.078.400.792
Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.252.024.484	32.652.505.624
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.694.321.622	(2.574.104.832)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	68.495.210	184.410.949
Chi phí tài chính	22	6.4	995.290.434	779.585.332
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		995.251.624	771.422.894
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	201.387.176	202.175.735
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.230.990.401	9.794.371.752
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.664.851.179)	(13.165.826.702)
Thu nhập khác	31	6.7	754.258.936	5.785.708.568
Chi phí khác	32	6.8	56.950.530	12.488.561.714
Lợi nhuận khác	40		697.308.406	(6.702.853.146)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.967.542.773)	(19.868.679.848)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		72.499.089	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.040.041.862)	(19.868.679.848)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(4.040.041.862)	(19.868.679.848)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(505)	(2.484)

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

14

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.967.542.773)	(19.868.679.848)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.702.192.200	2.539.726.613
- Các khoản dự phòng	03	2.154.859.105	1.670.697.650
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.355.687)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.804.645)	(3.248.620.065)
- Chi phí lãi vay	06	995.251.624	771.422.894
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.863.599.824	(18.135.452.756)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.068.136.621	(780.766.396)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.155.333)	335.574.518
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.230.227.109	7.775.957.874
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	104.263.917	958.886.667
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(995.251.624)	(771.422.894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.199.350.132)	(756.465.814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.063.470.383	(11.373.688.801)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(49.660.000)	(16.283.872.768)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	3.072.727	8.903.181.811
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.731.918	166.612.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.855.355)	(7.364.078.510)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	12.656.500.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.408.327.326)	(1.843.933.968)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.408.327.326)	10.812.566.032
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	620.287.702	(7.925.201.279)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.757.566.602	9.682.767.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.355.687	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.384.209.991	1.757.566.602

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ taxi, đào tạo lái xe, cho thuê xe, dịch vụ bảo vệ và các dịch vụ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy phép Đào tạo lái xe số 102/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 07 tháng 11 năm 2013 do Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trung tâm hoạt động độc lập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0315029563 ngày 07 tháng 05 năm 2018 do Chi cục thuế quận Gò Vấp cấp. Vào ngày 30 tháng 08 năm 2018, Trung tâm thay đổi Giấy phép Đào tạo lái xe số Đào tạo lái xe Ô tô số 102/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 07 tháng 11 năm 2013 thành Giấy phép Đào tạo lái xe Ô tô số 8168/GP-SGTVT ngày Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động của Trung tâm là: Đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D. Trung tâm có trụ sở tại 93/1017 đường Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Hà Nội. Chi nhánh có trụ sở tại Tổ 32, cụm 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Quảng Ninh. Văn phòng đại diện có trụ sở tại Số 45, tổ 6, khu 4, đường Hậu Cẩn, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Tổng số các công ty con: 02 (hai) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 (hai) công ty;

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không);

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	103 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist ("Công ty mẹ"), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân ("Công ty con") và Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Nguyên liệu, vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 11
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính khấu hao trong 03 – 05 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (ii) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% riêng Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	1.267.912.547	1.365.126.812
Tiền gửi ngân hàng	1.116.297.444	392.439.790
Cộng	2.384.209.991	1.757.566.602

Đến ngày 31/12/2018, một số tài khoản ngân hàng của Nhóm Công ty bị phong tỏa theo Quyết định của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích trước tiền từ tài khoản, cụ thể:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cổng Quỳnh.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Cộng	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000

Là khoản tiền gửi theo Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG ngày 25/04/2017 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Kỳ Đồng; lãi suất 6,2%, 12 tháng số tiền 150.000.000 đồng.

b. Đầu tư vào Công ty khác

	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty khác	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Tập đoàn Radius	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Cộng	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty TNHH Điện lực Bot Phú Mỹ 3	1.062.814.480	1.207.130.200
- Phải thu đợt 2 tiền học phí của 200 học viên hạng B2 khóa K13.18B2	580.000.000	-
- Phải thu đợt 2 tiền học phí của 170 học viên hạng B2 khóa K14.18B2	493.000.000	-
- Mr. Baghdad Sayed (Grand)	301.346.953	301.346.953
- Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
- Bệnh Viện Quận 2	73.453.500	172.800.000
- Dntn Thương mại Và Dịch vụ Kim Tài	47.250.000	47.250.000
- Công ty TNHH Thương mại Kim Tài	43.696.000	43.696.000
- Công ty TNHH Impresario Music Unlimited	36.976.500	36.976.500
- Các khách hàng khác	1.681.180.658	2.030.794.563
Cộng	14.194.026.000	13.714.302.125

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty TNHH Link Media	765.000.000	765.000.000
- Văn phòng Luật sư Hồng Nguyên & Associates	500.000.000	500.000.000
- Các nhà cung cấp khác	182.802.126	129.111.126
Cộng	1.447.802.126	1.394.111.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Phải thungấn hạn khác
a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng</i>	1.064.271.618	-	93.184.130	-
<i>Các khoản ký quỹ ký cược</i>	144.897.280	-	111.146.850	-
<i>Bảo hiểm xã hội nộp thừa</i>	462.675	-	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	25.307.218.136	22.144.004.541	27.196.557.298	20.163.972.325
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	18.870.833.663	18.870.833.663	15.906.134.549
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch Huyền Trang	1.831.040.000	1.137.703.000	2.981.040.000	2.287.703.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Văn hóa Royal	591.829.512	414.280.658	591.829.512	295.914.756
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiếp	1.598.478.659	1.598.478.659	1.598.478.659	1.598.478.659
- Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.415.036.302	122.708.561	2.154.375.464	75.741.361
Cộng	26.516.849.709	22.144.004.541	27.400.888.278	20.163.972.325

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn</i>				
- Ký quỹ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.000.000.000	-	1.500.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà (đặt cọc thuê xe)	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản ký quỹ ký cược khác	296.221.800	-	428.588.982	-
Cộng	1.496.221.800	-	2.128.588.982	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	40.850.561.547	1.029.877.167	42.300.094.957	4.634.269.682
a. Ngắn hạn	35.054.561.547	1.029.877.167	36.504.094.957	4.634.269.682
- Từ 03 năm trở lên	31.582.938.818	-	31.780.159.100	3.334.380.054
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	-	9.596.271.434	147.440.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	-	18.870.833.663	2.964.699.114
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.598.478.659	-	1.598.478.659	-
+ Các đối tượng khác	1.517.355.062	-	1.483.997.404	-
- Từ 02 năm đến 03 năm	2.521.959.357	900.612.807	3.268.016.500	954.429.950
+ Công ty TNHH Thương mại Du lịch Huyền Trang	1.831.040.000	693.337.000	3.231.040.000	943.337.000
+ Công ty Cổ phần Du lịch Văn hóa Royal	591.829.512	177.548.854	-	-
+ Các đối tượng khác	99.089.845	29.726.954	36.976.500	11.092.950
- Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	690.919.357	345.459.678
+ Công ty Cổ phần Du lịch Văn hóa Royal	-	-	591.829.512	295.914.756
+ Các đối tượng khác	-	-	99.089.845	49.544.922
- Dưới 01 năm	184.663.372	129.264.360	-	-
+ Các đối tượng khác	184.663.372	129.264.360	-	-
- Không có khả năng thu hồi	765.000.000	-	765.000.000	-
+ Công ty TNHH Link Media	765.000.000	-	765.000.000	-
b. Dài hạn	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
- Từ 03 năm trở lên	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	31.869.825.275	30.103.841.803
Trích lập dự phòng trong năm	3.347.275.298	3.878.209.412
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.192.416.193)	(2.112.225.940)
Số cuối năm	34.024.684.380	31.869.825.275

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	5.796.000.000	5.796.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	5.796.000.000	5.796.000.000

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	80.165.548	-	72.140.215	-
- Hàng hoá	151.663.307	128.940.740	151.533.307	128.940.740
Cộng	231.828.855	128.940.740	223.673.522	128.940.740

5.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Công cụ, dụng cụ	20.433.336	204.160.081	(145.296.525)	79.296.892
- Chi phí mua ngoài	500.480.008	3.225.516.765	(3.112.332.228)	613.664.545
Cộng	520.913.344	3.429.676.846	(3.257.628.753)	692.961.437

b. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Chi phí sửa chữa	403.595.874	162.850.000	(386.912.957)	179.532.917
- Chi phí trả trước khác	138.607.227	101.808.000	(152.511.472)	87.903.755
Cộng	542.203.101	264.658.000	(539.424.429)	267.436.672

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.9 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (*)	5.796.000.000	5.796.000.000
Cộng	5.796.000.000	5.796.000.000

(*) Là khoản cho vay Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương theo Hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011 với mục đích đầu tư phương tiện vận chuyển và thành lập Trung tâm sửa chữa thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2018	1.339.428.880	298.535.136	25.034.931.463	296.151.474	26.969.046.953
Tăng trong năm	-	-	1.709.660.000	-	1.709.660.000
Mua sắm mới	-	-	1.709.660.000	-	1.709.660.000
Giảm trong năm	-	-	-	(31.494.048)	(31.494.048)
Giảm khác	-	-	-	(31.494.048)	(31.494.048)
31/12/2018	1.339.428.880	298.535.136	26.744.591.463	264.657.426	28.647.212.905
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	91.516.963	177.735.136	2.686.046.393	214.857.426	3.170.155.918
Giá trị hao mòn					
01/01/2018	1.128.573.662	262.295.164	6.869.591.221	263.988.974	8.524.449.021
Tăng trong năm	8.567.016	12.080.004	2.612.428.504	12.450.000	2.645.525.524
Khấu hao trong năm	8.567.016	12.080.004	2.612.428.504	12.450.000	2.645.525.524
Giảm trong năm	-	-	-	(31.494.048)	(31.494.048)
Giảm khác	-	-	-	(31.494.048)	(31.494.048)
31/12/2018	1.137.140.678	274.375.168	9.482.019.725	244.944.926	11.138.480.497
Giá trị còn lại					
01/01/2018	210.855.218	36.239.972	18.165.340.242	32.162.500	18.444.597.932
31/12/2018	202.288.202	24.159.968	17.262.571.738	19.712.500	17.508.732.408

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2018	250.000.000	62.222.232	187.777.768
Tăng trong năm	-	56.666.676	
Giảm trong năm	-	-	
31/12/2018	250.000.000	118.888.908	131.111.092

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất tại số 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	8.544.500.040	8.544.500.040
Cộng	8.544.500.040	8.544.500.040

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả nhà cung cấp xe	1.660.000.000	1.660.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	201.332.400	201.332.400	167.497.000	167.497.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	147.440.000	147.440.000	147.440.000	147.440.000
- Các nhà cung cấp khác	491.304.067	491.304.067	395.717.076	395.717.076
Cộng	2.500.076.467	2.500.076.467	710.654.076	710.654.076

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Lê Thị Hòa - ứng trước tiền chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Thương mại Du lịch Sài Gòn	2.000.000.000	-
- Các khách hàng ứng trước tiền mua xe	815.000.000	-
- Khách lẻ tour Jeju	50.000.000	50.000.000
- Phan Việt Hùng	43.980.000	43.980.000
- Các khách hàng khác	275.618.985	18.392.913
Cộng	3.184.598.985	112.372.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.15 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Thuế phải thu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	239.610.563	239.610.563
Cộng	239.610.563	239.610.563
Thuế phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng	252.300.979	662.081.975
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.920.565	2.277.771.608
- Thuế thu nhập cá nhân	20.813.936	39.530.142
- Thuế nhà đất	2.591.635.108	2.624.100.114
- Thuế, phí khác	1.864.604.194	1.864.604.194
Cộng	4.880.274.782	7.468.088.033

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Chi phí thuê xe phải trả Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	112.798.000	150.814.000
- Trung tâm KD VNPT TPHCM - CN Tổng Cty Dịch vụ Viễn Thông	84.000.000	42.000.000
- Chi phí tour Jeju	-	568.318.152
- Chi phí phải trả khác	35.050.365	121.919.790
Cộng	231.848.365	883.051.942

b. Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	413.951.571	641.531.145
Cộng	413.951.571	641.531.145

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.17 Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải trả khác là bên liên quan	195.000.000	-
- Ông Kakazu Shogo	195.000.000	-
Phải trả khác là bên độc lập	16.380.529.469	17.523.369.451
- Phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
- Kinh phí công đoàn	1.075.937.246	960.024.875
- Phải trả cổ tức	1.219.365.715	1.219.365.715
- Thù lao Hội đồng quản trị	210.284.788	210.284.788
- Phải trả khác	874.941.720	2.133.694.073
Cộng	16.575.529.469	17.523.369.451

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ký quỹ, ký cược		
Nhận ký quỹ, ký cược - tài xế lái xe	1.091.649.286	1.021.449.286
Cộng	1.091.649.286	1.021.449.286

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	Trả tiền vay trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Công Quỳnh (*)	644.000.000	644.000.000	(550.792.750)	737.207.250
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	1.847.300.000	1.867.769.152	(1.857.534.576)	1.857.534.576
Cộng	2.491.300.000	2.511.769.152	(2.408.327.326)	2.594.741.826

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	01/01/2018 (VND)	Nhận tiền vay trong năm (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	31/12/2018 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Công Quỳnh (*)	2.254.000.000	-	(644.000.000)	1.610.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	6.067.266.032	-	(1.867.769.152)	4.199.496.880
Cộng	8.321.266.032	-	(2.511.769.152)	5.809.496.880

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất 36

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Công Quỳnh theo Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 001-171295/TTCV-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017; mục đích vay để thanh toán một phần tiền thuê đất đối với Quyền sử dụng đất tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất theo từng khế ước cụ thể; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là 10 xe ô tô Toyota Vios E với tổng giá trị 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 001-171295/HĐTC-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017.

(**) Khoản vay dài hạn Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 9,30%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Vay dài hạn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 5000019896 ngày 15/12/2016;
- Hợp đồng số 5000021272 ngày 12/04/2017.

5.19 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2017	80.000.000.000	(57.485.175.259)	22.514.824.741
Lỗi trong năm trước	-	(19.868.679.848)	(19.868.679.848)
31/12/2017	80.000.000.000	(77.353.855.107)	2.646.144.893
01/01/2018	80.000.000.000	(77.353.855.107)	2.646.144.893
Lỗi trong năm nay	-	(4.040.041.862)	(4.040.041.862)
31/12/2018	80.000.000.000	(81.393.896.969)	(1.393.896.969)

Cổ phiếu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng doanh thu	30.946.346.106	30.078.400.792
- Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	8.304.227.101	10.032.264.747
- Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	7.695.004.127	5.398.391.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	5.240.919.676	5.741.157.999
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	-	32.619.547
- Doanh thu dịch vụ bảo vệ	9.679.795.202	8.848.967.499
- Doanh thu các dịch vụ khác	26.400.000	25.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	30.946.346.106	30.078.400.792

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Giá vốn của dịch vụ taxi	9.373.498.266	14.291.240.555
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	6.207.268.586	4.888.644.584
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	4.830.462.746	5.474.423.558
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	-	28.508.840
- Giá vốn của dịch vụ bảo vệ	7.840.794.886	7.929.813.036
- Giá vốn của các dịch vụ khác	-	39.875.051
Cộng	28.252.024.484	32.652.505.624

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	62.139.523	166.612.447
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.355.687	17.798.502
Cộng	68.495.210	184.410.949

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí lãi vay	995.251.624	771.422.894
- Chi phí tài chính khác	38.810	8.162.438
Cộng	995.290.434	779.585.332

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
- Chi phí nhân viên	-	89.646.737
- Chi phí đồ dùng văn phòng	932.727	4.729.545
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.688.000	2.400.000
- Chi phí bằng tiền khác	198.766.449	105.399.453
Cộng	201.387.176	202.175.735

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	1.731.270.024	3.870.043.913
- Chi phí đồ dùng văn phòng	52.281.406	54.090.285
- Chi phí khấu hao TSCĐ	327.868.031	144.216.662
- Chi phí dự phòng	2.154.859.105	1.765.983.472
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.031.278.092	756.857.748
- Chi phí bằng tiền khác	933.433.743	3.203.179.672
Cộng	6.230.990.401	9.794.371.752

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
- Thu từ thanh lý TSCĐ	2.800.000	3.082.007.618
- Thu từ hỗ trợ chi phí đi dờ 99 Phố Quang từ Công ty Đầu tư Tài chính Đất Việt	-	1.500.000.000
- Khoản đầu tư không hoàn lại tiền hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Royal	624.318.152	730.000.000
- Thu nhập khác	127.140.784	473.700.950
Cộng	754.258.936	5.785.708.568

6.8. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
- Chi phí phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	-	10.000.000.000
- Lỗ từ thanh lý vật tư	-	287.759.677
- Chi phí phạt thuế	27.853.389	2.038.276.095
- Chi phí khác	29.097.141	162.525.942
Cộng	56.950.530	12.488.561.714

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.342.937.985	660.397.761
- Chi phí nhân công	16.666.342.538	21.142.225.540
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.702.192.200	2.539.726.613
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.685.870.041	13.194.325.594
- Chi phí khác	1.132.200.192	3.317.885.291
Cộng	32.529.542.956	40.854.560.799

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.040.041.862)	(19.868.679.848)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.040.041.862)	(19.868.679.848)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(505)	(2.484)

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	1.660.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ/STT-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (bao gồm Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và toàn bộ tiền ký quỹ tại Ngân hàng cho dịch vụ này) với giá chuyển nhượng tối thiểu bằng số tiền ký quỹ tương đương 1.000.000.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đã ký kết hợp đồng 0119/2019/HĐKT-STT với Bà Lê Thị Hòa về việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn với giá chuyển nhượng 3.300.000.000 đồng (giá chuyển nhượng trên không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác). Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn cho Bà Lê Thị Hòa vào ngày 07 tháng 03 năm 2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310535083 ngày 23 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 08) ngày 07 tháng 03 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH Azumaya Human Resourceful do Bà Lê Thị Hòa làm chủ sở hữu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.3. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Thu nhập của Tổng Giám đốc	-	239.136.000
Cộng	-	239.136.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tạm ứng	249.487.658	25.487.658
Cộng nợ phải thu	249.487.658	25.487.658
	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải trả ngắn hạn khác	195.000.000	-
Cộng nợ phải thu	195.000.000	-

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.384.209.991	-	2.384.209.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.194.026.000	-	14.194.026.000
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	26.516.849.709	1.496.221.800	28.013.071.509
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(33.243.913.809)	(5.796.000.000)	(39.039.913.809)
Tổng cộng	10.001.171.891	1.496.221.800	11.497.393.691
31/12/2018			
Phải trả cho người bán	2.500.076.467	-	2.500.076.467
Chi phí phải trả	231.848.365	413.951.571	645.799.936
Phải trả khác	16.575.529.469	1.091.649.286	17.667.178.755
Vay và nợ thuê tài chính	2.594.741.826	5.809.496.880	8.404.238.706
Tổng cộng	21.902.196.127	7.315.097.737	29.217.293.864
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.901.024.236)	(5.818.875.937)	(17.719.900.173)
01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.757.566.602	-	1.757.566.602
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	13.714.302.125	-	13.714.302.125
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	27.400.888.278	2.128.588.982	29.529.477.260
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(31.104.825.275)	(5.796.000.000)	(36.900.825.275)
Tổng cộng	11.917.931.730	2.128.588.982	14.046.520.712
01/01/2018			
Phải trả cho người bán	710.654.076	-	710.654.076
Chi phí phải trả	883.051.942	641.531.145	1.524.583.087
Phải trả khác	17.523.369.451	1.021.449.286	18.544.818.737
Vay và nợ thuê tài chính	2.491.300.000	8.321.266.032	10.812.566.032
Tổng cộng	21.608.375.469	9.984.246.463	31.592.621.932
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.690.443.739)	(7.855.657.481)	(17.546.101.220)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.384.209.991	1.757.566.602	2.384.209.991	1.757.566.602
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.194.026.000	13.714.302.125	3.094.116.732	2.773.449.175
Phải thu về cho vay	5.796.000.000	5.796.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	28.013.071.509	29.529.477.260	5.869.066.968	9.365.504.935
Tổng cộng	50.537.307.500	50.947.345.987	11.497.393.691	14.046.520.712
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.500.076.467	710.654.076	2.500.076.467	710.654.076
Chi phí phải trả	645.799.936	1.524.583.087	645.799.936	1.524.583.087
Phải trả khác	17.667.178.755	18.544.818.737	17.667.178.755	18.544.818.737
Vay và nợ thuê tài chính	8.404.238.706	10.812.566.032	8.404.238.706	10.812.566.032
Tổng cộng	29.217.293.864	31.592.621.932	29.217.293.864	31.592.621.932

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Địa chỉ: 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.6. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: hoạt động kinh doanh bất động sản (bán đất nền), kinh doanh nhà hàng, trò chơi painball và các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Taxi (VND)	Đào tạo (VND)	Cho thuê xe (VND)	Dịch vụ bảo vệ (VND)	Dịch vụ khác (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	8.304.227.101	7.695.004.127	5.240.919.676	9.679.795.202	26.400.000	30.946.346.106
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(9.373.498.266)	(6.207.268.586)	(4.830.462.746)	(7.840.794.886)	-	(28.252.024.484)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	(1.069.271.165)	1.487.735.541	410.456.930	1.839.000.316	26.400.000	2.694.321.622
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(6.432.377.577)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(3.738.055.955)
Doanh thu tài chính						68.495.210
Chi phí tài chính						(995.290.434)
Thu nhập khác						754.258.936
Chi phí khác						(56.950.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(72.499.089)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						(4.040.041.862)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.7. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

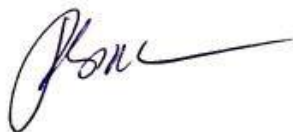
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ lũy kế là 81.393.896.969 đồng, đồng thời lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ là 1.393.896.969 đồng, cũng tại ngày này, công nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty 22.106.817.245 đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi tới hạn. Các cổ đông của Nhóm Công ty đã xác nhận tiếp tục hỗ trợ tài chính để Nhóm Công ty có thể có đủ vốn hoạt động và có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo